

GIÚP SINH VIÊN TĂNG KHẢ NĂNG VIẾT TIẾNG ANH QUA VIỆC DẠY NGỮ VÀ TỪ

THIỀU THỊ HOÀNG OANH*

Ngày nhận bài: 10/10/2017; ngày sửa chữa: 30/10/2017; ngày duyệt đăng: 31/10/2017.

Abstract: This study intends to see relationship between lexical collocations and writing proficiency of English Foreign Language students. Two groups of English students with similar ability in lexical collocations were chosen to be the experimental and the control groups. These two groups were measured their ability to use lexical collocations in their writing through the pre-test. A ten-session treatment has been conducted to the experimental group to develop their collocational competence. Afterwards, the two groups took the post-test and results showed that the collocation instruction had a positive effect on the learners writing proficiency. This suggests that instruction on the use of lexical collocation is effective in enhancing students' writing proficiency and limiting their mis-collocations.

Keywords: Lexical collocation instruction, writing proficiency.

1. Đặt vấn đề

Từ ngữ tiếng Anh không phải được kết hợp một cách tùy ý. Vấn đề khó khăn đối với việc sử dụng kết hợp ngữ là không có quy luật để kết hợp từ. Người bản xứ biết những từ nào có thể kết hợp với nhau nhưng đối với người học ngoại ngữ việc kết hợp từ đúng như người bản xứ không phải là việc dễ dàng (Vasiljevic, 2008). Ví dụ trong tiếng Anh, người bản xứ dùng cụm từ "strong wind" để nói "cơn gió mạnh" nhưng khi nói "mưa lớn" thì không dùng "strong rain" hay "big rain" mà dùng "heavy rain"; khi nói uống bia, người bản xứ dùng cụm từ "drink beer" nhưng khi nói "uống thuốc" thì lại là "take medicine" chứ không phải là "drink medicine". Người học tiếng Anh có thể biết một số kiến thức về ngữ pháp và từ vựng nhưng một trong số những trở ngại lớn của họ là việc sử dụng kết hợp ngữ thích hợp.

Việc kết hợp từ đúng là rất cần thiết để nói hoặc viết được tiếng Anh giống hoặc gần giống như người bản xứ. Tuy nhiên, sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh gặp nhiều khó khăn trong việc kết hợp từ tiếng Anh. Khi người học không biết cách nói một cụm từ trong tiếng Anh như thế nào, do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, họ thường ghép từ như tiếng Việt hoặc dịch "từ sang từ" ("word-for-word").

2. Khái niệm và phân loại kết hợp ngữ

2.1. Kết hợp ngữ (lexical collocations) là gì?

McCarthy và O'Dell (2005) [11] định nghĩa "kết hợp ngữ" là từ được kết hợp với từ khác để thành lập nên một cụm có nghĩa về ngữ nghĩa và về ngữ pháp được chấp nhận và được hiểu bởi người bản xứ. Ví dụ "too" kết hợp với "late" hoặc "much", "tall" kết hợp với "building" và "high" kết hợp với "mountain". Lewis (2000) [8] nêu rõ rằng, kết hợp ngữ là nhóm từ xuất hiện chung một cách tự nhiên và không đoán trước được.

Theo Halliday (1968) [7], kết hợp ngữ là hai hoặc nhiều từ có xu hướng đi chung với nhau thành một cụm từ trong một bối cảnh cụ thể.

Việc sử dụng kết hợp ngữ đúng rất quan trọng khi sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt trong kĩ năng nói và viết. Theo

nghiên cứu của O'Dell and McCarthy (2008), mọi người có thể hiểu khi một người nói "making a crime" hoặc "There was very hard rain this morning" nhưng những từ ngữ đó nghe không tự nhiên và có thể gây nhầm lẫn. Kết hợp ngữ giúp ta diễn đạt ý theo cách chính xác hơn, có nhiều màu sắc hơn mà không phải lặp lại từ ngữ. Ví dụ, thay vì nói "It was very cold and very dark", ta có thể nói "It was bitterly cold and pitch dark".

2.2. Các loại kết hợp ngữ

Theo Lewis (2000) [8; tr 51] và Benson (1989) [3], kết hợp ngữ có 6 loại chủ yếu:

- Adjective + Noun (strong tea, major problem, key issue)
 - Noun + Noun (a pocket calculator, sense of pride)
 - Verb + Noun (make an impression, set an alarm)
 - Verb + Adverb (spell accurately, live dangerously, smiled proudly)
 - Adverb + Adjective (strictly accurate, completely soaked, happily married)
 - Noun + Verb (companies merged, pose a problem).
- Theo Benson và cộng sự (1986) [4], Hill (2000), McCarthy & O'Dell (2005 và 2008), kết hợp ngữ được chia thành các loại sau:

- 1) Verb + noun (draw up a contract, pass up a chance)
- 2) Noun + verb (an opportunity arises, standards slip)
- 3) Adjective + noun (idle threat, vain hope)
- 4) Adverb + adjective (intensely personal, stunningly attractive)
- 5) Verb + adverb (drive recklessly, fail miserably)
- 6) Noun + noun (a barrage of questions, a snippet of information)
- 7) Verb + prepositional phrase (be filled with horror, foam at the mouth)
- 8) More complex collocations (take it easy for a while, put the past behind you)

* Trường Đại học Kiên Giang

Ngoài ra, Hill (2000:63-64) và O'Dell & McCarthy (2008:8) đưa ra một cách phân loại kết hợp ngữ khác phụ thuộc vào mức độ chặt chẽ khi kết hợp các thành tố trong cụm: 1) *kết hợp ngữ độc nhất* (e.g. to foot the bill, to shrug your shoulders): các động từ này chỉ dùng với các danh từ trong thí dụ, không kết hợp với các danh từ khác, đây là những thành ngữ với từ ngữ cố định không thể thay đổi được; 2) *kết hợp ngữ mạnh* (e.g. rancid butter): những từ này được kết hợp rất chặt chẽ với nhau, ví dụ "rancid" được sử dụng thường nhất với "butter"; 3) *kết hợp ngữ yếu* (e.g. long hair): từ trong cụm này có thể được kết hợp với nhiều từ khác nữa, những cụm từ này được kết hợp tự do và có thể đoán nghĩa được; 4) *kết hợp ngữ vừa phải* (e.g. to make a mistake, to hold a meeting): kết hợp ngữ không được tự do kết hợp cũng không phải cụm từ cố định.

Việc phân loại như thế này chỉ mang tính chất tương đối và sẽ gây ra khó khăn cho nhà nghiên cứu khi quyết định xếp lỗi sai thuộc dạng nào.

Nghiên cứu này dựa theo phân loại kết hợp ngữ thành 8 loại như phân loại của Benson và cộng sự (1986), Hill (2000), McCarthy & O'Dell (2005 và 2008) vì cách phân loại này đầy đủ hơn phân loại của Benson (1989) và Lewis (2000) và bao quát các loại lỗi sai sinh viên hay mắc phải.

3. Các nghiên cứu về kết hợp ngữ và tác động của việc dạy kết hợp ngữ

Nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu về kiến thức kết hợp ngữ của người học tiếng Anh như Bahns (1993) [2]; Biskup (1992) [6]; và tìm hiểu về các lỗi về kết hợp ngữ mà người học mắc phải (Liu, 1999a [10]; Lombard, 1997 [9]; Wu, 2005 [17]). Chỉ có những nghiên cứu gần đây mới nói về mối quan hệ giữa kết hợp ngữ và kĩ năng ngôn ngữ (Al-Zahrani, 1998 [1]; Bonk, 2000; Sung, 2003). Al-Zahrani tìm ra rằng, có mối quan hệ chặt chẽ giữa kiến thức về kết hợp ngữ và sự thông thạo ngôn ngữ.

Tseng (2002) [16] chứng minh rằng việc dạy các kết hợp ngữ ở nhóm thực nghiệm (học sinh phổ thông) đã giúp nhóm này tăng khả năng sử dụng từ rất nhiều so với nhóm đối chứng. Sung (2003) đã nghiên cứu và nêu lên mối quan hệ chặt chẽ giữa kiến thức kết hợp ngữ và khả năng nói của sinh viên quốc tế.

Seesink (2007) [13] sử dụng chương trình online để dạy kết hợp ngữ cho các sinh viên trình độ trung cấp của Ả Rập, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc và kết luận rằng, việc dạy kết hợp ngữ có tác động tích cực đến kết quả học của sinh viên. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, tác giả không nắm rõ loại kết hợp ngữ nào là khó khăn đối với sinh viên nên đã dạy quá nhiều loại kết hợp ngữ. Vì vậy, nên khảo sát trước xem sinh viên gặp khó khăn với loại kết hợp ngữ nào để chọn dạy cho phù hợp.

Trong nghiên cứu của Smith (2005) [15], ông đề nghị chương trình giảng dạy nên có cả kết hợp ngữ vì người

không phải bản xứ gặp rất nhiều khó khăn với việc kết hợp từ ngữ.

Shooshtari và Karami (2013) [14] cũng đã thử nghiệm dạy kết hợp ngữ cho sinh viên trình độ trung cấp và kết luận việc dạy này có tác động tích cực đến khả năng nói của sinh viên và tác động vừa phải đến khả năng sử dụng kết hợp ngữ của họ. Trong nghiên cứu tương tự, Attar và Allami (2013) cũng nêu lên việc dạy cụm từ vựng nâng hiệu quả đối với việc học kĩ năng nói của sinh viên và nêu sinh viên có thái độ tích cực với việc dạy kết hợp ngữ.

Tóm lại, trong khi kết hợp ngữ đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ, lại có rất ít nghiên cứu và các khóa đào tạo về vấn đề này ở Việt Nam. Các nghiên cứu ở nước ngoài cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng đúng kết hợp ngữ để diễn đạt ý của mình và có nhiều nghiên cứu về chương trình dạy kết hợp ngữ để giúp sinh viên viết tốt hơn đối với kĩ năng viết và nói. Tuy nhiên, ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào về cách dạy kết hợp ngữ để sinh viên kết hợp từ tốt hơn nhằm giúp sinh viên học tốt môn viết. Nghiên cứu này nhằm tìm ra chương trình dạy kết hợp ngữ thích hợp và áp dụng chương trình này để phát triển khả năng viết cho sinh viên ở Việt Nam, cụ thể là sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh, Trường Đại học Kiên Giang.

4. Nội dung nghiên cứu thực nghiệm và kết quả

Trước tiên, tác giả bài viết chọn đối tượng nghiên cứu là 160 sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh của Trường Đại học Kiên Giang chia thành 04 nhóm (mỗi nhóm 40 sinh viên). Tác giả khảo sát trình độ tiếng Anh của 04 nhóm này bằng một bài kiểm tra về kết hợp ngữ và viết đoạn văn với thang điểm 10. Kết quả phân tích ANOVA cho thấy, có 02 nhóm có điểm trung bình mẫu không khác biệt ở mức có độ tin cậy 95% (có sig < 0,05). Tác giả chọn 02 nhóm (80 sinh viên) này để làm thực nghiệm và chia thành nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Việc chọn 80 sinh viên từ 160 sinh viên ban đầu nhằm đảm bảo các sinh viên ở nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có cùng khả năng về kết hợp ngữ và khả năng viết đoạn văn qua việc sàng lọc từ khảo sát được nêu bên trên.

Tác giả tiếp tục tiến hành bài kiểm tra (pre-test) trên 02 nhóm nghiên cứu vừa chọn, trong đó yêu cầu sinh viên viết đoạn văn bằng tiếng Anh. Kết quả thống kê hồi quy tương quan giữa yếu tố lỗi kết hợp ngữ và kết quả (điểm đạt được) cho thấy, có sự tác động của yếu tố lỗi kết hợp ngữ lên kết quả bài kiểm tra qua theo tỉ lệ nghịch với phương trình hồi quy sau:

$$Y = 8,737 - 0,468 X \quad (R^2 = 0,576)$$

Y: Điểm số bài kiểm tra

X: Số lỗi kết hợp ngữ trong bài kiểm tra.

Kết quả từ phương trình hồi quy trên cho thấy, sinh viên có hạn chế về kết hợp ngữ và có nhiều kết hợp ngữ không đúng sẽ viết đoạn văn không tốt và ngược lại.

Sau đó, tác giả tiến hành giảng dạy đối với nhóm đối chứng (40 sinh viên) và nhóm thực nghiệm (40 sinh viên). Các sinh viên nhóm đối chứng học theo chương trình học viết bình thường. Các sinh viên nhóm thực nghiệm được học thêm 10 tiết về kết hợp ngữ bên cạnh nội dung học bình thường trên lớp. Nội dung 10 tiết dạy thực nghiệm được trích từ 10 bài trong sách *Collocations in Use* trình độ trung cấp, tác giả Michael McCarthy & Felicity O'Dell, năm 2005, Nhà xuất bản Cambridge University. Các bài này giới thiệu cho sinh viên biết kết hợp ngữ là gì, việc tìm và học các kết hợp ngữ, các loại kết hợp ngữ, các kết hợp ngữ thường được sử dụng nhầm lẫn với nhau và hướng dẫn kết hợp ngữ trong các tình huống theo các chủ đề cụ thể.

Tác giả dạy sinh viên cách kết hợp ngữ như *fly a kite, heavy rain, highly value, totally agree, make a decision, draw a conclusion...* và nhấn mạnh giúp sinh viên phân biệt cách kết hợp từ của các động từ sinh viên thường sai như *do, make, take, have...*; ví dụ: *do homework, make a mistake, take a shower...*

Ngoài ra, tác giả còn hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ điển chuyên biệt về cách kết hợp từ *Oxford Collocation Dictionary, McIntosh và cộng sự, 2009*. Điều này giúp sinh viên nhận thức được khi viết tiếng Anh, ngoài sử dụng đúng ngữ pháp, sinh viên cần chú ý lựa chọn và sử dụng đúng từ vựng cũng như kết hợp từ đúng theo văn phong tiếng Anh.

Sinh viên nhóm thực nghiệm cũng được yêu cầu viết số tay từ vựng, trong đó các em sẽ ghi lại các kết hợp ngữ các em thấy tâm đắc hoặc cụm từ hay dùng trong các tình huống cụ thể các em được đọc trong sách báo, phim ảnh, bài đọc Tiếng Anh, tự điển... Điều này nhằm giúp sinh viên chú ý hơn đối việc sử dụng chính xác kết hợp ngữ.

Sau 10 tuần, nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng làm bài kiểm tra lần thứ hai. Để đánh giá xem việc dạy cách kết hợp ngữ trong tiếng Anh có hiệu quả đáng kể đối với khả năng viết của sinh viên hay không, tác giả đã đánh giá bài viết đoạn văn của sinh viên qua bài kiểm tra lần hai. Kết quả này được sử dụng để so sánh điểm trung bình giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm để thấy rõ phương pháp áp dụng có hiệu quả hay không. Kết quả thống kê qua kiểm định T-test như *bảng 1*.

Bảng 1 cho thấy, phương pháp áp dụng đã mang lại hiệu quả tốt, thể hiện qua kiểm định T-test có sự khác biệt giữa nhóm đối chứng (giá trị điểm trung bình bằng 5,28 điểm) và nhóm thực nghiệm (giá trị điểm trung bình bằng 6,80 điểm) với sai số mức ý nghĩa 5%.

Bảng 1. Kết quả phân tích qua kiểm định T-test

Pair	Post_test_ Doi_chung - Post_test_ Thuc_nghiem	Paired Differences				t	df	Sig. (2- tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference			
1	- 1.525	1.569	.248	-2.027	-1.023	-6.148	39	.000

5. Kết luận

Việc dạy kết hợp ngữ giúp nâng cao khả năng viết của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh. Việc học các kết hợp ngữ giúp các em nhận thức rõ hơn về việc kết hợp từ với nhau và hạn chế các lỗi về kết hợp ngữ trong khi viết tiếng Anh. Do đó, khi giảng dạy, giáo viên cần chú ý giúp sinh viên nâng cao nhận thức cũng như chủ động khuyến khích sử dụng thông thạo các kết hợp ngữ để tránh các lỗi sai về cách kết hợp từ khi viết.

Nghiên cứu này có thể làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên giảng dạy ngoại ngữ trong và ngoài Trường Đại học Kiên Giang nhằm giúp nâng cao năng lực tự học cho sinh viên, giúp sinh viên biết sử dụng đúng kết hợp ngữ trong tiếng Anh từ đó tăng khả năng học tập các môn kĩ năng thuộc chuyên ngành Tiếng Anh, đặc biệt là kĩ năng viết và nói. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Al-Zahrani, M. S. (1998). *Knowledge of English lexical collocations among male Saudi college students majoring in English at a Saudi university*. Unpublished doctoral dissertation, Indiana University of Pennsylvania, Pennsylvania.
- [2] Bahns, J. (1993). *Lexical Collocation: A contrastive view*. *ELT Journal*, Oxford University Press, Vol. 47.
- [3] Benson, M. (1989). *The structure of collocational dictionary*. *The International Journal of Lexicography*, 2, 1-14.
- [4] Benson, M., Benson, E., and Ilson, R. (1986). *The BBI Combinatory dictionary of English word combinations*. Amsterdam/Philadelphia, John Benjamin's Publishing Company.
- [5] Biskup, D. (1990). *Some remarks on combinability: Lexical collocation*. In: *Janusz Arabski (Ed.)*. *Foreign Language Acquisition Papers*. (pp. 31-44) Katowice: Uniwersytet Slaski.
- [6] Biskup, D. (1992). *L1 influence on learners renderings of English collocations*. A Polish/German empirical study. In: *Anaund, P.J.L., Bejoint, H. (Eds.)*.

Vocabulary and Applied Linguistics. Macmillan, Basingstoke, 85-93.

[7] Halliday, M. A. K., McIntosh, A., & Stevens, P. (1968). *The linguistic sciences and language teaching*. Longmans.

[8] Lewis, M. (Ed.). (2000). *Teaching collocation: Further developments in the lexical approach*. Oxford: Oxford University Press.

[9] Lombard, R. (1997). *Non-native Speaker Collocations: A Corpus-Driven Characterization from the Writing of Native Speakers of Mandarin (Mandarin Chinese) Ph. D.* UMI. Ann Arbor, MI.

[10] Liu, C. P. (1999a). *A study of Chinese culture university freshmen's collocational competence: "Knowledge" as an example*. Hwa Kang Journal of English Language & Literature, pp. 5, 81-99.

[11] McCarthy, M., & O'Dell, F. (2005). *English collocations in use*. Cambridge: Cambridge University Press.

[12] McIntosh et al (2009). *Oxford Collocations Dictionary for students of English*. Oxford: Oxford University Press.

[13] Seesink, M. (2007). *Using Blended Instruction to Teach Academic Vocabulary Collocations: A Case Study*. West Virginia University.

[14] Shooshtari, Z. G., & Karami, N. (2013). *Lexical collocation instruction and its impact on iranian non-academic EFL learners' speaking ability*. Journal of Language Teaching and Research, 4 (4), 767-776.

Retrieved from <http://search.proquest.com/docview/1428281927?accountid=39958>

[15] Smith, C. (2005). *The lexical approach: Collocation in high school English language learners*. George Fox University.

[16] Tseng, F. P. (2002). *A study of the effects of collocation instruction on the collocational competence of junior high school students in Taiwan*. Unpublished master thesis, National Taiwan Normal University, Taiwan.

[17] Wu, L. H. (2005). *A study of English verb-noun collocational knowledge of technological university English majors in Taiwan*. Unpublished master thesis, National Kaohsiung First University of Science and Technology, Taiwan.

Vận dụng thuyết đa trí tuệ...

(Tiếp theo trang 19)

pháp. Từ đó, có thể rút ra kết luận rằng, dạy ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là dạy viết và nói, các thầy/cô giáo có thể đan xen nhiều hoạt động để HS có cơ hội thực hành các dạng NL tiềm ẩn của mình. Chẳng hạn, GV có thể đan xen trí tuệ ngôn ngữ và trí tuệ logic toán học trong giờ học tiếng Việt:

Ví dụ, GV cho HS tập diễn đạt câu: "Nếu muốn học giỏi thì phải chăm học" theo một số câu đồng nghĩa với nó như sau: "Muốn học giỏi trước hết phải chăm học/ Hễ không chăm học thì học không giỏi/ Chăm học là điều kiện cần cho học giỏi".

- Cần hướng cho HS cách tiếp cận một vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. GV có thể tạo cơ hội, hướng dẫn HS giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Với cách tiếp cận đó, các vấn đề sẽ được nhìn nhận một cách toàn diện, GV nhận ra các thế mạnh khác nhau của HS, HS có cơ hội khai thác khả năng tiềm ẩn của mình.

Ví dụ: Trong bài đọc tiếng Anh "The city of Cambridge" trong *Tiếng Anh 10*, sau khi cho HS đọc và trả lời câu hỏi, GV có thể hướng dẫn các em làm việc theo nhóm để tạo ra sản phẩm có sự liên hệ với một thành phố trên thế giới. Sản phẩm đó có thể là một đồ vật hiện hình (trí tuệ vận động) hoặc được trình bày nhờ công nghệ thông tin. GV yêu cầu cả nhóm thuyết trình về sản phẩm đó (trí tuệ ngôn ngữ). Để giờ học đạt hiệu quả, GV cần dựa vào khả năng của người học để đưa ra yêu cầu của bài tập cho phù hợp.

3. Kết luận

Dựa vào kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến đã áp dụng thuyết này, cách tiếp cận đa chiều là một hướng phù hợp, khoa học và có thể mang lại hiệu quả cao trong đổi mới phương pháp dạy học, góp phần phát triển con người toàn diện. Cách tiếp cận đó cần giúp người dạy đa dạng hóa các hoạt động của mình để tác động đến nhiều đối tượng hơn và giúp người học nhìn vấn đề từ các góc độ khác nhau. Để phát triển được các NL cần thiết của HS phổ thông, trong quá trình dạy học, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm phát huy những thế mạnh, khắc phục những hạn chế còn tồn tại của các em. □

Tài liệu tham khảo

[1] Howard Gardner (1983). *Frame of Mind*. Basic Books. NY: New York.

[2] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.

[3] Lê Thị Tuyết Hạnh (2017). *Thuyết Đa trí năng và ngầm định cho giáo dục*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 137, tr 75-78.

[4] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh*.

[5] Thomas Armstrong (2011). *Đa trí tuệ trong lớp học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[6] Thomas Armstrong (2011). *Bạn thông minh hơn bạn nghĩ*. NXB Lao động - Xã hội.

[7] Hồ Ngọc Đại (2010). *Giải pháp giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.